TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2022/HC–PT
Ngày 13 tháng 6 năm 2022
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền
Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký phiên toà: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 493/2021/TLPT–HC ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*, do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC–ST, ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4640/2022/QĐ–PT ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Vương MH; địa chỉ: tổ 9, phường 9, thành phố B, tỉnh B; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần ĐD và bà Hoàng KT; Luật sư thuộc Công ty Luật C; địa chỉ: số 11A, ngõ 98, đường Vũ TP, phường T, quận T, thành phố HN; có mặt Luật sư KT, vắng mặt Luật sư ĐD.

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn QT, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn MC, chức vụ: Phó Chủ tịch (Giấy ủy quyền số 598/GUQ-UBND ngày 10/6/2022); có mặt.

- ***Người kháng cáo:*** Người khởi kiện ông Vương MH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các đương sự, Bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện, ông Vương MH trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất gia đình ông Vương MH bị thu hồi là của bố mẹ ông MH là ông Vương VH, bà Hoàng TN khai phá, tổng diện tích 1327,9m^2. Trong đó phần đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) là đất trồng lúa thuộc tờ bản đồ số 17, thửa đất số 191, 192 tổng diện tích 772,4m^2; diện tích còn là đất trồng cây lâu năm.

Về nội dung thu hồi đất: Ngày 30/12/2019, gia đình ông MH nhận được Quyết định số 4710/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc thu hồi đất và Quyết định số 4711/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B để thực hiện dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới, thành phố B, hạng mục: Khu tái định cư 1 – Giai đoạn 2 với hộ gia đình ông MH; thu hồi diện tích đất của gia đình ông là 1163,5m^2, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bằng tiền là 641.899.922 đồng. Không đồng ý với quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường nêu trên, ngày 31/12/2019 gia đình ông MH đã gửi đơn kiến nghị đến Chủ tịch UBND thành phố B để xem xét lại diện tích đất bị thu hồi không đúng với diện tích đất sử dụng thực tế của gia đình ông bị thiếu 164,4m^2 và giá bồi thường, hỗ trợ không đúng quy định của pháp luật do áp dụng sai vị trí đất.

Ngày 31/7/2020, gia đình ông MH nhận được Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư của để thực hiện dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới, thành phố B, hạng mục: Khu tái định cư 1 – Giai đoạn 2. Theo phương án bổ sung thì gia đình ông MH được điều chỉnh tăng tiền bồi thường thêm là 615.300.000 đồng. Lý do: Tăng mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở tại vị trí 4, đường loại 4 thành mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở tại vị trí 2, đường loại 4. Tuy nhiên, Quyết định 1686/QĐ-UBND vẫn giữ nguyên diện tích đất thu hồi là 1163,5m^2, còn bị thiếu là: 1.327,9m^2 – 1.163,5m^2 = 164,4m^2.

Đối với hỗ trợ về chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải tính thêm phần diện tích đất còn thiếu 164,4m^2 tương đương với giá trị thành tiền là: 164,4 x 60.000 x 3 = 29.592.000 đồng.

Tiền bồi thường về diện tích đất thu hồi bị thiếu là 164,4 x 48.000 x 1,2 = 9.469.440 đồng.

Trong phương án bồi thường, UBND thành phố B xác định loại lúa 1 vụ là không đúng với thực tế sử dụng vì thực tế gia đình ông vẫn cấy 2 vụ lúa nhiều năm nay. Đơn giá bồi thường đất nông nghiệp phải tính 60.000 đồng trên diện tích 772,4m^2 tương đương: 772,4 x 60.000 x 1,2 = 55.612.800 đồng. So với phương án

bồi thường của UBND thành phố B là: 772,4 x 55.000 x 1,2 = 50.978.400 đồng thì số tiền chênh lệch là: 55.612.800 - 50.978.400 = 4.634.400 đồng.

Như vậy, UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ gia đình còn thiếu: 29.592.000 đồng + 9.469.440 đồng + 4.634.400 đồng = 43.695.840 đồng.

Do đó, ngày 29/6/2021 ông Vương MH làm đơn khởi kiện tại Tòa án và các ngày 27/8/2021, ngày 26/10/2021 làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 4710/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới thành phố B.

- Hủy một phần Quyết định số 4711/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới thành phố B.

- Hủy một phần Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Vương MH.

- Buộc UBND thành phố B điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho gia đình ông Vương MH với tổng số tiền là 2.152.214.562 đồng, giá đất tính bồi thường áp dụng theo Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B về ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 – 2024 và yêu cầu được cấp 01 (một) lô đất tái định cư.

- Người bị kiện do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hội đồng bồi thường đã trình UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 4711/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 và Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.257.199.922 đồng. Hiện nay, gia đình ông Vương MH vẫn chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ trên nhưng đã đồng ý cho Nhà nước thi công xây dựng dự án.

Đối với ý kiến về nội dung diện tích thu hồi theo Quyết định không đúng với thực tế (còn thiếu 164,4m^2):

Theo tài liệu bản đồ trích đo địa chính số 01 phục vụ GPMB công trình: Khu tái định cư I thuộc dự án khu tái định cư đường phía Nam, khu đô thị mới thành phố B (giai đoạn 1) do Công ty cổ phần tư vấn khảo sát thiết kế xây dựng công trình BHT thực hiện thì thửa đất của gia đình ông MH có tổng diện tích là 1.327,9m^2 thuộc thửa đất số 103, trong đó được chia thành 2 phần diện tích, một phần có diện tích 107,8m^2 nằm trong ranh giới GPMB giai đoạn 1 của dự án, một phần là 1.220,1m^2 nằm ngoài ranh giới GPMB. Tuy nhiên khi thực hiện đo đạc bản đồ giải thửa để thực hiện GPMB giai đoạn 2 của dự án thì thửa đất có tổng diện tích là 1.163,5m^2, trong đó có một phần diện tích 107,8m^2 nằm trong ranh giới GPMB giai đoạn 1 (không thể hiện trên bản đồ của giai đoạn 2), một phần diện tích là 1055,7m^2 nằm trong ranh giới GPMB giai đoạn 2 (thửa đất số 01).

Qua kiểm tra ranh giới thu hồi đất giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của dự án, đối chiếu với bản đồ địa chính năm 1995 của phường 9 thì thửa đất thu hồi của gia đình ông MH tại thời điểm đo đạc giai đoạn 1 của dự án đơn vị đo đạc đã đo trùm lên đường giao thông hiện trạng tại thời điểm đó nên kết quả đo đạc giai đoạn 1 đối với thửa đất của gia đình ông MH diện tích 1.327,9m^2 là không chính xác với thực tế sử dụng đất của gia đình.

Trên cơ sở bản đồ đo giải thửa giai đoạn 2 của dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, UBND thành phố đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 260/TB-UBND ngày 17/5/2017 đối với toàn bộ diện tích trên. Ngày 24/4/2019, tại buổi thống kê kiểm đếm đất đai, tài sản HH màu của gia đình ông MH thì ông MH có ý kiến đề nghị đo đạc lại diện tích đất của gia đình. Sau đó Hội đồng bồi thường đã phối hợp các đơn vị liên quan tiến hành xác định ranh giới quản lý và sử dụng của gia đình ông MH làm căn cứ đo đạc lại diện tích. Nội dung biên bản và quá trình đo đạc đã được thực hiện công khai và có sự chứng kiến cũng như xác nhận của các bên liên quan quan. Kết quả đo đạc lại cũng đã được thông báo đến gia đình ông MH và được ghi nhận tại biên bản làm việc, diện tích đo đạc lại và diện tích trên bản đồ giải thửa giai đoạn 2 chênh lệch là 3,3m^2. Qua đó khẳng định kết quả đo đạc được thể hiện trên các bản đồ GPMB giai đoạn 2 là đúng và chính xác vì chênh lệch giữa 2 lần đo nằm trong sai số cho phép của đo đạc bản đồ địa chính quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bản đồ địa chính không có giá trị trong công tác GPMB. UBND thành phố chỉ căn cứ vào bản đồ GPMB được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để ban hành Quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường. Do bản đồ GPMB giai đoạn 1 có sự chồng lấn lên đường giao thông nên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cứ căn cứ vào bản đồ GPMB giai đoạn 2 để giải quyết.

Từ những cơ sở trên Hội đồng bồi thường đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và ban hành Quyết định thu hồi đất với diện tích đất 1.163,5m^2 là đầy đủ và đúng theo thực tế và quy định. Ý kiến về diện tích còn thiếu 164,4m^2 của ông MH là không có cơ sở nên UBND thành phố không giải quyết bồi thường.

Đối với các khoản yêu cầu hỗ trợ thêm: Do không có căn cứ chứng minh phần đất bị thu hồi của ông MH bị thiếu 164,4m^2 nên UBND thành phố không có cơ sở để hỗ trợ cho ông đối với diện tích đất này.

Đối với yêu cầu bồi thường từ đất trồng lúa 1 vụ sang đất chuyên trồng lúa nước với số tiền chênh lệch là 4.634.400 đồng: Trong phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai đối với gia đình ông MH thì một phần trong diện tích thu hồi có GCNQSDĐ (gồm GCNQSDĐ số BK 122047 và GCNQSDĐ số BK 122048 được UBND thị xã B cấp ngày 29/6/2012), phần còn lại đã tổ chức lấy phiếu ý kiến dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng. Tuy nhiên, trên GCNQSDĐ của ông thì mục đích sử dụng đất là "Lúa" cho nên vẫn chưa đủ căn cứ để xác định loại đất tính bồi thường, hỗ trợ nên Hội đồng bồi thường đã kiểm tra bản đồ địa chính năm 1995 của phường 9 và

sổ mục kê do UBND phường 9 quản lý xác định thửa đất bị thu hồi của gia đình ông MH có mục đích sử dụng là đất 1L (đất trồng lúa nước còn lại). Việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập phương án tính bồi thường, hỗ trợ là đất trồng lúa nước còn lại (đất trồng lúa 01 vụ) là đúng theo các quy định của Nhà nước. Do đó, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu này của gia đình ông MH.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC–ST ngày 29/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vương MH về việc yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 4710/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới thành phố B; hủy một phần Quyết định số 4711/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới thành phố B; hủy một phần Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Vương MH; buộc UBND thành phố B điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho gia đình ông Vương MH với tổng số tiền bồi thường là 2.152.214.562 đồng, giá đất tính bồi thường áp dụng theo Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B về ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 – 2024 và yêu cầu được cấp 01 (một) lô đất tái định cư.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2021, người khởi kiện ông Vương MH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu:

- Hủy một phần (điều chỉnh) Quyết định số 4710/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất vì thiếu diện tích 164,4m^2 của gia đình ông.

- Hủy một phần (điều chỉnh) Quyết định số 4711/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư vì thiếu diện tích 164,4m^2 và không theo giá đất năm 2019.

- Hủy một phần (điều chỉnh) Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

của UBND thành phố B để thực hiện dự án: Khu tái định cư 1 – Giai đoạn 2 đúng với diện tích đất thu hồi thực tế là 1327,9m^2; buộc UBND thành phố B điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho gia đình ông với tổng số tiền bồi thường là 2.152.214.562 đồng theo Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B về ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 – 2024.

- Yêu cầu được cấp 01 (một) lô đất tái định cư.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Vương MH giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất với ý kiến của người khởi kiện và phát biểu:

** Về diện tích đất:*

+ Quá trình tham gia tố tụng, đại diện của UBND (BL 22) công nhận theo tài liệu bản đồ đo địa chính số 01 phục vụ GPMB, thửa đất của gia đình ông MH có diện tích 1.327,9m^2 thuộc thửa đất 103, được chia làm 02 phần diện tích: 107,8m^2 nằm trong ranh giới GPMB giai đoạn 1 của dự án, một phần là 1.220,1m^2 nằm ngoài ranh giới GPMB.

+ UBND và Bản án của Tòa án sơ thẩm cho rằng khi đo đạc bản đồ giai đoạn 2 lại có diện tích 1.163,5m^2 trong đó phần 107,8m^2 nằm trong ranh giới GPMB giai đoạn 1 không thể hiện trên bản đồ giai đoạn 2, đây là lỗi của cơ quan Nhà nước, thực tế đất không thay đổi và cho rằng đơn vị đo đạc giai đoạn 1 đã đo trùm lên đường giao thông là không đúng bởi vì Bản đồ địa chính phường 9 năm 2011 tờ số 17 và Bản đồ GPMB giai đoạn 1 của HĐBT, hỗ trợ và tái định cư lập thì toàn bộ diện tích đất 1.327,9m^2 không bị vẽ trùm lên đường giao thông.

+ Hội đồng thẩm định tại chỗ do Tòa án thành lập xác định diện đất của hộ gia đình ông MH là 1.327,9m^2 .

** Về nguồn gốc đất:*

Nguồn gốc đất là do bố mẹ ông MH khai phá từ những năm 1946; năm 1960 đưa số ruộng đất này vào HTX Gia Cung, xã Vĩnh Quang, huyện Hòa An, tỉnh B làm ăn tập thể. Năm 1989 HTX giải thể, gia đình ông MH được nhận lại phần ruộng đất sử dụng liên tục cho đến nay không có tranh chấp với ai được thể hiện trên Bản đồ địa chính năm 2011 tờ số 17 và Bản đồ GPMB giai đoạn 1 (1995), diện tích 1.327,9m^2 không có phần nào trùm lên đường giao thông như UBND đưa ra và đánh giá của Bản án sơ thẩm.

** Về trình tự thủ tục thu hồi, đền bù:*

Thực tế diện tích đất mà gia đình ông MH quản lý và sử dụng là 1.327,9m^2 (theo tờ bản đồ giải thửa phục vụ GPMB 1998 gồm 02 thửa số 01 tờ 03 và thửa 103 tờ 1) và theo bản đồ từ 2012, gồm 02 thửa: 191/574m^2, số sổ: BK122047 và thửa: 192/198m^2, số sổ: BK122048; phần đất bờ ruộng còn lại thửa 103 tờ 1 diện tích

555,5m^2 chưa được cấp sổ. Do đó, phương án bồi thường của UBND thành phố B là không đúng thực tế, diện tích đất của gia đình ông MH không được tính bồi thường là: 1.327,9m^2 – 1.163,5m^2 = 164,4m^2. Bản án sơ thẩm cho rằng phần đất này chồng lên đất bà HH đã bị thu hồi, đã nhận tiền đền bù là không đúng vì phần đất này nằm ngoài phần đất bà HH.

Đất của ông MH không phải là đất nuôi trồng thuỷ sản như Thông báo thu hồi đất số 260/TB-UBND ngày 17/5/2017 và Công văn số 936/UBND-TNMT ngày 20/5/2020.

** Về loại đất và mức giá bồi thường:*

+ Hội đồng bồi thường GPMB thành phố B căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1995 và sổ mục kê của UBND phường 9 xác định diện tích đất của gia đình ông MH không phải đất trồng lúa là không phù hợp với quy định của pháp luật vì năm 2012 gia đình ông MH đã được UBND thị xã B (nay là TP B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có nội dung: "Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa"; khi thửa đất bị thu hồi thì gia đình ông MH vẫn cấy 02 vụ/năm nên phải bồi thường đúng với loại đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Việc lập phương án kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thu hồi hộ ông MH phải tính giá trị bồi thường, hỗ trợ khi bị Nhà nước thu hồi đất theo thời điểm hiện tại, quy định tại: Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh B.

** Về yêu cầu tăng bồi thường:*

+ Do ông MH khiếu nại nên các quyết định thu hồi đất chưa có giá trị, vì Quyết định số 2336/2019 có trước khi có Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 điều chỉnh phương án bồi thường, là đối tượng bị khởi kiện nên áp dụng Quyết định số 2336/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 là đúng pháp luật.

Mức bồi thường, hỗ trợ đúng cho hộ gia đình ông MH phải là:

+164,4m^2 x 3.780.000 đồng x 50% = 310.716.000 đồng (hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường. Mức hỗ trợ bằng 50% giá trị đất ở tại vị trí 2, đường loại 6, theo Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND).

+ 164,4m^2 x 72.000 đồng = 11.836.800 đồng (đất trồng cây lâu năm vị trí 2).

+ 772,4m^2 x 90.000 đồng = 69.516.000 đồng (số tiền chênh lệch cần tăng thêm giá đất chuyên trồng lúa vị trí 2 - 50.978.400 đồng (QĐ1686) = tăng thêm 18.538.000 đồng).

+ 391,1m^2 x 72.000 đồng = 28.159.200 đồng (số tiền chênh lệch cần tăng thêm giá đất chuyên trồng lúa vị trí 2 – 22.527.360 đồng (QĐ1686) = tăng thêm 5.631.840 đồng).

+ 600m^2 (391,1m^2 đất CLN + 208,9m^2 LTK) x 3.780.000 đồng x 50% = 1.134.000.000 đồng – 615.300.000 đồng (QĐ1686) = tăng thêm 518.700.000 đồng).

+ 164,4 x 60.000 x 3 = 29.592.000 đồng (tiền hỗ trợ về chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải tính thêm phần diện tích đất còn thiếu 164,4m^2).

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường tăng thêm so với QĐ 1686/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 là: 895.014.640 đồng. Tổng số tiền ông MH yêu cầu được nhận theo Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 và Quyết định số 2336/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 là: 1.257.199.922 đồng (QĐ 1686) + 895.014.640 đồng = 2.152.214.562 đồng (Hai tỷ một trăm năm hai triệu, hai trăm mười bốn nghìn, năm trăm sáu hai đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông MH: Tuyên hủy một phần (điều chỉnh) Quyết định số 4710/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất; tuyên hủy một phần (điều chỉnh) Quyết định số 4711/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư; tuyên hủy một phần (điều chỉnh) Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND thành phố B để thực hiện dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới, thành phố B, hạng mục: Khu tái định cư 1 – Giai đoạn 2 đúng với diện tích đất bị thu hồi thực tế là 1327,9m^2; buộc UBND TP B phải bồi thường cho hộ ông Vương MH là 2.152.214.562 đồng đối với yêu cầu khởi kiện và phần diện tích đất đã bị thu bị thiếu là 164,4m^2.

- Đại diện người bị kiện không đồng ý với các ý kiến của người khởi kiện và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đưa ra; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Vương MH làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính tuyên không chấp nhận kháng cáo của ông Vương MH, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14//2021/HC-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Vương MH trong thời hạn được quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Các đương sự trong vụ án đã có mặt đầy đủ nên Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Ông Vương MH khởi kiện kiện các Quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND thành phố B trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Bản án sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, xét xử đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30 và khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; xác định đủ những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Vương MH, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp về trình tự, thủ tục ban hành và nội dung của Quyết định số 4710/QĐ-UBND, ngày 24/12/2019 về việc thu hồi đất; Quyết định số 4711/QĐ-UBND, ngày 24/12/2019 về phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định số 1686/QĐ-UBND, ngày 27/7/2020 về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường của UBND thành phố B đối với hộ gia đình ông Vương MH:

[2.1.1] Về thẩm quyền ban hành: Căn cứ Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất của ông Vương MH là đúng thẩm quyền.

[2.1.2] Về trình tự, thủ tục: Ngày 17/5/2017, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 260/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện GPMB xây dựng công trình: Khu tái định cư I thuộc dự án khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới, thành phố B đối với ông Vương MH; ngày 24/4/2019, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư thành phố lập Biên bản kiểm kê tài sản, HH màu bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất; ngày 08/8/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất và GPMB niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Vương MH; ngày 27/8/2019 Trung tâm phát triển quỹ đất và GPMB lập Biên bản kết thúc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tổng hợp ý kiến của hộ gia đình ông Vương MH đối với phương án bồi thường, hỗ trợ; ngày 24/12/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4710/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 4711/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường; ngày 27/7/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1686/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình ông Vương MH, lý do điều chỉnh: Tăng mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở tại vị trí 4, đường loại 4 thành mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở tại vị trí 2, đường loại 4 đối với khoản hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường.

Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND thành phố B đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục về thông báo thu hồi đất; thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản; lập, niêm yết công khai, lấy ý kiến của người có đất bị thu hồi đối với phương án bồi thường trước khi ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

[2.1.3] Về nội dung:

- *Về diện tích đất bị thu hồi:*

Quyết định số 4710/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 có nội dung thu hồi đất của ông Vương MH tổng diện tích 1163,5m^2, trong đó có 772,4m^2 đất trồng lúa nước còn lại (LUK) thuộc thửa số 01, bản đồ trích đo địa chính số 03 (đã được cấp 2 GCNQSDĐ), còn lại là 391m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 103, bản đồ trích đo số 01 (chưa được cấp GCNQSDĐ).

Ông Vương MH trình bày: Diện tích đất gia đình ông sử dụng có nguồn gốc là của bố mẹ ông MH khai phá để lại cho ông; quá trình sử dụng không có tranh chấp với ai về ranh giới, diện tích đất; diện tích đất thực tế sử dụng bị thu hồi đúng phải là 1327,9m^2. UBND thành phố B thu hồi và lập phương án bồi thường đối với diện tích 1163,5m^2 là còn thiếu 164,4m^2. Căn cứ chứng minh là lấy diện tích của bản đồ giải thửa để thực hiện GPMB giai đoạn 1 (diện tích 1.327,9m^2) trừ đi diện tích của bản đồ thửa để thực hiện GPMB giai đoạn 2 (diện tích 1.163,5m^2); cụ thể: 1.327,9m^2 – 1.163,5m^2 = 164,4m^2.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B thể hiện: Ông MH xác định ranh giới thửa đất theo thực trạng sử dụng, thửa đất có 3 phía Đông, Tây, Bắc còn nguyên trạng, phía Nam giáp đất nhà bà Vương HH (chị gái ông MH) đã bị đổ đất không còn nguyên trạng; kết quả chồng ghép bản đồ tại sơ đồ thẩm định cho thấy:

Đối với bản đồ giải thửa giai đoạn 1 của dự án thể hiện tổng diện đất của ông MH bị thu hồi là 1327,9m^2; trong đó có 107,8m^2 nằm trong ranh giới GPMB, phần nằm ngoài ranh giới GPMB (các cạnh Đông, Tây, Bắc) có sự chồng lấn lên đường bê tông nên diện tích đo đạc tại bản đồ giải thửa để thực hiện GPMB giai đoạn 1 có diện tích 1.327,9m^2.

Đối với bản đồ giải thửa giai đoạn 2 của dự án thể hiện tổng diện tích đất của ông MH bị thu hồi là 1163,5m^2; trong đó có 107,8m^2 nằm trong ranh giới GPMB giai đoạn 1 và 1055,7m^2 nằm trong ranh giới GPMB giai đoạn 2.

Các ranh giới của bản đồ giải thửa giai đoạn 2 có các cạnh Đông, Tây, Bắc trùng khớp với hiện trạng sử dụng đất mà ông Vương MH xác định, không chồng lấn lên đường bê tông. Ranh giới hiện trạng sử dụng đất phía Nam mà ông MH xác định chồng lấn lên đất của bà Vương HH. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B với bà Vương HH (chị gái ông MH), bà HH xác nhận gia đình bà bị thu hồi tổng diện tích đất là 411,6m^2, gia đình bà đã nhận đầy đủ tiền bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố B và xác nhận đất bị thu hồi giáp ranh với đất của gia đình ông MH; ranh giới đất giữa hai gia đình hoàn toàn rõ ràng, không có tranh chấp, lấn chiếm.

Diện tích đất của ông Vương MH và diện tích đất của bà Vương HH đã được tiến hành giải toả phục vụ thi công công trình thực hiện dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới, thành phố B, hạng mục: Khu tái định cư 1 - Giai

đoạn 2, không còn hiện trạng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì việc ông Vương MH yêu cầu UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 164,4m^2 còn thiếu là không có căn cứ do bản đồ giải thửa giai đoạn 1 của dự án đo vẽ có một phần diện tích đất chồng lấn lên đường bê tông, một phần nằm trong diện tích đất bà HH đã nhận bồi thường. Quyết định số 4710/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND thành phố B xác định diện tích đất của gia đình ông Vương MH bị thu hồi 1163,5m^2 là có căn cứ pháp luật.

- Về các khoản bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất:

+ Đối với khoản bồi thường về đất: Việc xác định vị trí, mục đích sử dụng đơn giá đất, đã được thực UBND thành phố B thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh B về ban hành bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh B và Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh B về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất khi thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới thành phố B.

Ông MH kháng cáo yêu cầu xác định loại đất trong phương án bồi thường đối với diện tích 772,4m^2 (nằm trong GCNQSDĐ) đất trồng lúa bị thu hồi là đất trồng lúa 2 vụ và xác định đơn giá bồi thường đối với diện tích đất này là 60.000 đồng là không có cơ sở vì bản đồ địa chính phường 9 năm 1995 và sổ mục kê do UBND phường Sông Bằng đang quản lý thì thửa đất của gia đình ông MH bị thu hồi có mục đích sử dụng là đất 1L (đất trồng lúa nước còn lại), không phải là đất trồng lúa 02 vụ như ông MH trình bày nên không có căn cứ chấp nhận.

+ Đối với khoản bồi thường về HH màu đã được UBND thành phố thống kê, kiểm đếm trước khi thu hồi đất, ông MH không có ý kiến đối với nội dung này.

+ Đối với khoản hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường:

Căn cứ Quyết định thu hồi đất số 4710/QĐ-UBND, ngày 24/12/2019; UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4711/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 641.899.922 đồng.

Ngày 25/6/2020, Phòng Tài nguyên môi trường thành phố, Trung tâm phát triển quỹ đất và GPMB thành phố cùng với gia đình ông Vương MH lập biên bản làm việc xác minh vị trí, loại đường phố để làm cơ sở tính toán các khoản hỗ trợ đối với gia đình ông Vương MH. Căn cứ Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh B và dựa trên xem xét thực địa, các bên thống nhất xác định thửa đất của ông MH bị thu hồi nằm ở vị trí 2, đường loại 4. Ngày 27/7/2020 UBND, thành phố B ban hành Quyết định số 1686/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ sau điều chỉnh là 1.257.199.922 đồng, tăng 615.300.000 đồng so với Quyết định số 4711/QĐ-UBND, lý do điều chỉnh: Tăng khoản hỗ trợ kinh phí đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường theo biên bản làm việc thẩm tra xác minh vị trí, loại đường phố ngày

25/6/2020.

Tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh B sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh B quy định: *"Trường hợp thu hồi nhiều thửa đất trong cùng một dự án, mức hỗ trợ tối đa không quá 5 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh".*

Hạn mức giao đất ở tại đô thị theo Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh B là 120m^2, trong dự án này, hộ gia đình ông Vương MH bị thu hồi nhiều hơn 01 thửa đất, do đó diện tích đất để tính khoản hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường là 600m^2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Diện tích được hỗ trợ là 563,5m^2 (diện tích còn lại sau khi đã trừ đi khoản hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường) là đúng quy định của pháp luật.

+ Về khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Hộ gia đình ông Vương MH bị thu hồi 100% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng, có 03 nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất nên việc tính tiền hỗ trợ cho 03 nhân khẩu trong 12 tháng là phù hợp với quy định tại Điều 16 Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh B ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh B.

[2.1.4] Như vậy, các Quyết định số 4710/QĐ-UBND, ngày 24/12/2019 về việc thu hồi đất; Quyết định số 4711/QĐ-UBND, ngày 24/12/2019 về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư và Quyết định số 1686/QĐ-UBND, ngày 27/7/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND thành phố B để thực hiện dự án: Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới, thành phố B, hạng mục: Khu tái định cư 1 – Giai đoạn 2 đã được UBND thành phố B ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; giải quyết đầy đủ các chế độ bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình ông Vương MH.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu buộc UBND thành phố B điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho gia đình ông tổng số tiền là 2.152.214.562 đồng, giá đất tính bồi thường áp dụng theo Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B về ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024:

[2.2.1] Ông Vương MH yêu cầu điều chỉnh tăng thêm số tiền bồi thường, hỗ trợ được tính trên tổng diện tích bị thu hồi là 1327,9m^2 (bao gồm diện tích 164,4m^2 chưa được bồi thường) và áp dụng giá đất tính bồi thường, hỗ trợ theo bảng giá các loại đất quy định tại Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B (bảng tính được ông MH và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nêu chi

tiết tại Đơn đính chính đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện lần 2 ngày 27/8/2021 và tại văn bản gửi cho Toà án cấp phúc thẩm). Như đã nhận định ở mục [2.1] thì diện tích 164,4m^2 ông Vương MH yêu cầu được bồi thường thêm là không có cơ sở nên không có căn cứ để UBND thành phố B thu hồi và lập phương án bồi thường đối với diện tích đất này.

[2.2.2] Về việc yêu cầu áp dụng giá bồi thường theo Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B:

Tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

"2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất".

Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B về ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 được thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024. Căn cứ quy định nêu trên thì tại thời điểm UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4711/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 thu hồi đất của hộ gia đình ông Vương MH thì Quyết định số 2336/QĐ-UBND chưa có hiệu lực thi hành. Do vậy ông Vương MH yêu cầu tính giá bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Đối với kháng cáo yêu cầu được cấp đất tái định cư: Theo quy định tại điều 79 Luật Đất đai năm 2013, Điều 6 Nghị định 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì điều kiện để cấp đất tái định cư là hộ gia đình có đất ở, nhà ở trên đất bị thu hồi hết đất ở, nhà ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để ở, theo quy định của UBND cấp tỉnh mà hộ gia đình cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường nơi có đất ở thu hồi, thì được xét cấp đất tái định cư. Đất Nhà nước thu hồi của ông Vương MH là đất trồng lúa và đất trồng cây lâu năm, không có đất ở và nhà ở trên đất bị thu hồi nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Vương MH.

[3] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm xử bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Vương MH là có căn cứ pháp luật, không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông Vương MH và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông MH; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vương MH phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị

kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông Vương MH; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14//2021/HC–ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

2. Về án phí: Ông Vương MH phải chịu 300.000 đồng phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000008 ngày 13/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng